



LASERJET PROFESSIONAL M1210

MFP SERIES 系列



EN Installation Guide

ID Panduan Instalasi

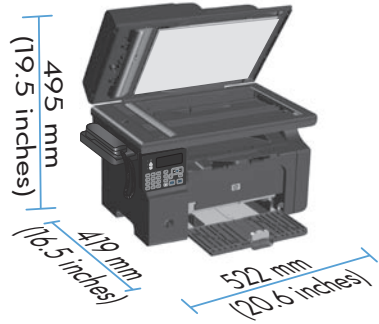
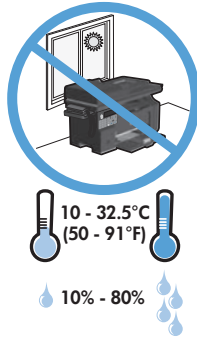
TH คู่มือการติดตั้ง

VI Hướng dẫn Cài đặt

CN 安装指南

KO 설치 설명서

TW 安裝指南



EN Select a sturdy, well-ventilated, dust-free area, away from direct sunlight to position the product.

CN 选择一处通风良好、免受灰尘侵扰且没有直射阳光的固定区域来安放该产品。

ID Pilih tempat yang kokoh, berventilasi baik dan bebas debu, jauh dari sinar matahari langsung untuk meletakkan produk.

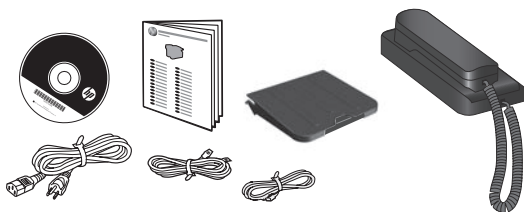
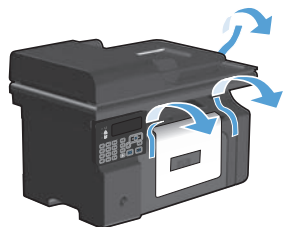
KO 제품을 설치하기 위해 안정감있고 환기가 잘 되며 먼지가 없고 직사광선이 없는 장소를 선택합니다.

TH เลือกวางเครื่องพิมพ์ไว้ในบริเวณที่แข็งแรง มีการระบายอากาศที่ดี ปราศจากฝุ่น และไม่โดนแสงแดดโดยตรง

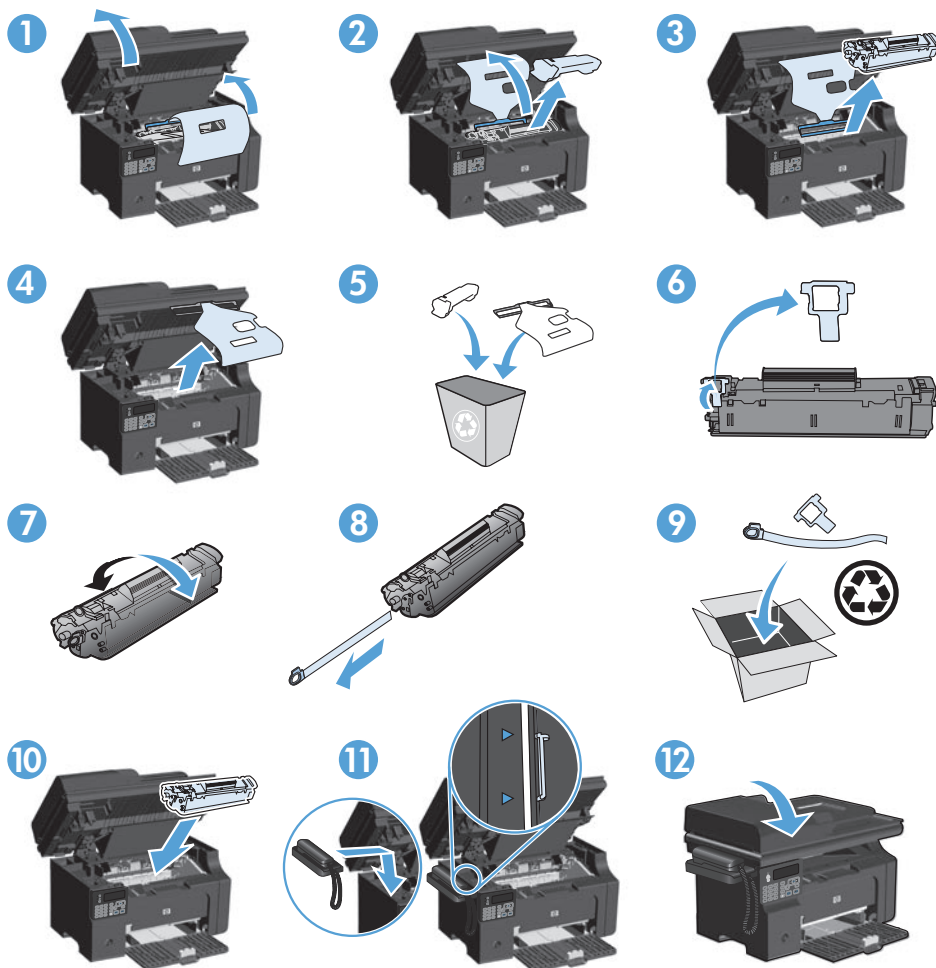
TW 請選擇一個堅固、通風良好、無塵的區域且沒有陽光直接照射的地方來放置本產品。

VI Chọn nơi vững chắc, được thông hơi tốt, không có bụi bặm, không tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng mặt trời để đặt sản phẩm.

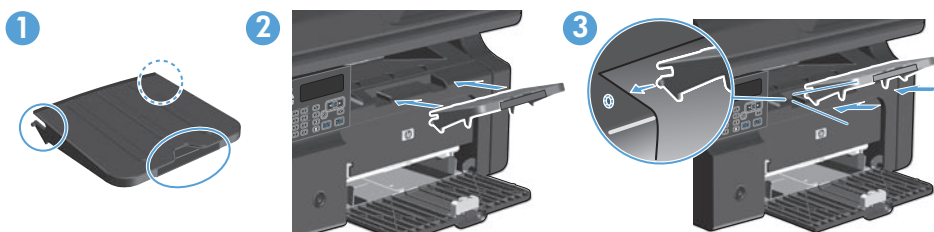
2



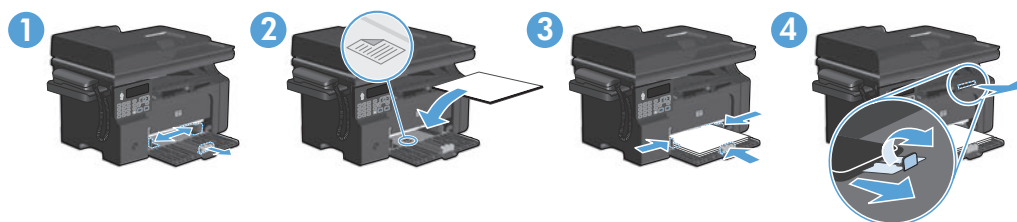
3



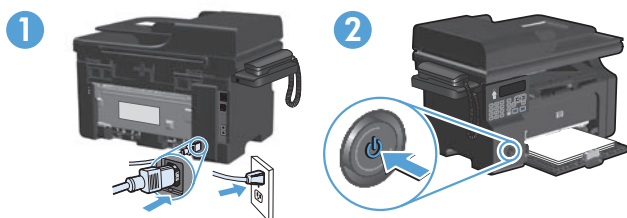
4



5



6



EN Connect the power cord between the product and a grounded AC outlet, and then turn on the product. Make sure your power source is adequate for the product voltage rating. The voltage rating is on the product label. The product uses either 110-127 Vac or 220-240 Vac and 50/60 Hz. **Caution:** To prevent damage to the product, use only the power cord that is provided with the product.

CN 用电源线连接本产品和用电源线连接本产品和接地的交流电插座，然后打开产品电源。确保电源提供的电压符合产品额定电压。额定电压位于产品标签上。本产品使用 110-127 Vac 或 220-240 Vac 电压，频率为 50/60 Hz。**小心：**为防止损坏产品，请仅使用随产品提供的电源线。

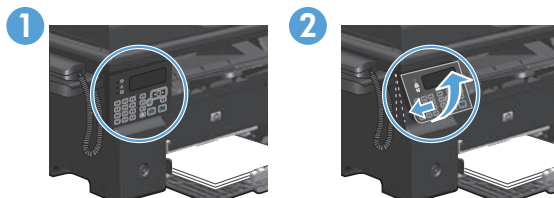
ID Hubungkan kabel listrik antara produk dan stopkontak AC tertanahkan, lalu nyalakan produk. Pastikan sumber daya Anda memadai untuk peringkat tegangan produk. Peringkat tegangan ada pada label produk. Produk ini menggunakan 110-127 Vac atau 220-240 Vac dan 50/60 Hz. **Awat:** Untuk mencegah kerusakan pada produk, gunakan hanya kabel listrik yang disediakan bersama produk.

KO 제품과 접지 AC 콘센트 사이에 전원 코드를 연결한 다음 제품의 전원을 켭니다. 콘센트의 전압이 제품 전압에 맞는지 확인합니다. 전압은 제품 레이블에 나와 있습니다. 제품은 110-127V 또는 220-240V 및 50/60Hz를 사용합니다. **주의:** 제품이 손상될 수 있으므로 제품과 함께 제공되는 전원 코드만 사용하십시오.

TH เชื่อมต่อสายไฟระหว่างเครื่องพิมพ์และเต้าเสียบไฟ AC ที่มีสายดิน แล้วเปิดเครื่องพิมพ์ ตรวจสอบให้แน่ใจว่าแหล่งจ่ายไฟของคุณเพียงพอสำหรับพิกัดแรงดันไฟฟ้าของเครื่องพิมพ์ พิกัดแรงดันไฟฟ้าอยู่บนฉลากของเครื่องพิมพ์ เครื่องพิมพ์อาจใช้ 110-127 Vac หรือ 220-240 Vac และ 50/60 Hz **ข้อควรระวัง:** เพื่อป้องกันไม่ให้เกิดความเสียหายต่อเครื่องพิมพ์ ให้ใช้สายไฟที่มาพร้อมกับเครื่องพิมพ์เท่านั้น

TW 利用電源線將產品連接至接地的 AC 插座，然後開啓電源。請確定您的電源適用於本產品的電壓額定值。電壓額定值標示於產品標籤上。產品使用 110-127 VAC 或 220-240 VAC 以及 50/60 Hz。 **注意：**為避免損壞產品，請僅使用產品提供的電源線。

VI Nối dây nguồn giữa sản phẩm và ổ AC nối đất, sau đó bật sản phẩm. Đảm bảo nguồn điện phù hợp với định mức điện áp của sản phẩm. Định mức điện áp được in trên nhãn sản phẩm. Sản phẩm sử dụng 110-127 Vac hoặc 220-240 Vac và 50/60 Hz. **Cẩn thận:** Để tránh làm hư sản phẩm, chỉ sử dụng dây điện đi kèm với sản phẩm.



- EN**
1. On the control panel, use the arrow buttons to select your language and location, and then press **OK**.
 2. Optional: To adjust the viewing angle, slide the control panel to the left and tilt it up.

- CN**
1. 在控制面板上，使用箭头按钮选择语言和所在位置，然后按下 **OK**。
 2. 可选：要调整观看角度，可向左滑动控制面板，然后向上倾斜。

- ID**
1. Di panel kontrol, gunakan tombol panah untuk memilih bahasa dan lokasi, lalu tekan **OK**.
 2. Opsional: Untuk menyesuaikan sudut lihat, geser panel kontrol ke kiri dan miringkan ke atas.

- KO**
1. 제어판에서 화살표 버튼을 사용하여 해당 언어 및 위치를 선택한 다음 **OK**를 누릅니다.
 2. 옵션: 보기 각도를 조정하려면 제어판을 왼쪽으로 밀고 위로 들어올립니다.

TH

1. บนแผงควบคุม ให้กดปุ่มลูกศรเพื่อเลือกภาษาและที่ตั้งของคุณ แล้วกด **OK**
2. ทำหรือไม่ก็ได้: ในการปรับมุมมอง ให้เลื่อนแผงควบคุมไปทางซ้ายและเอียงขึ้น

TW

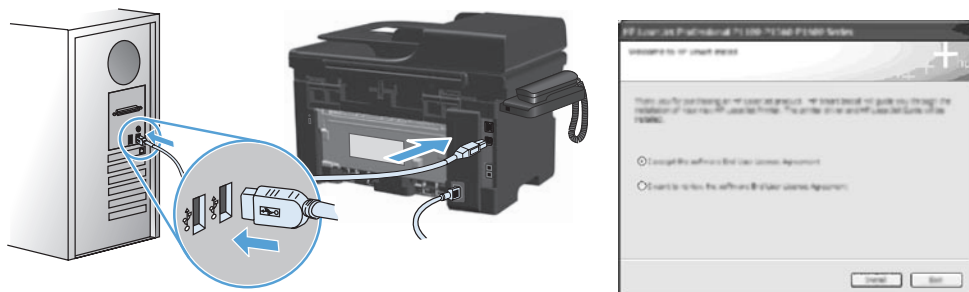
1. 在控制面板上，使用箭頭按鈕選擇您的語言與位置，然後按下 **OK**。
2. 選擇性：若要調整視野角度，請將控制面板向左側滑動，然後往上傾斜。

VI

1. Trên bảng điều khiển, sử dụng các nút mũi tên để chọn ngôn ngữ và vị trí của bạn, sau đó bấm **OK**.
2. **Tùy chọn:** Để điều chỉnh góc xem, trượt bảng điều khiển về phía trái và nghiêng bảng lên trên.



HP Smart Install

**EN Windows USB installation**

Note: Some virus-checking and firewall software might prevent you from installing the product software.

1. Connect the USB cable between the computer and the product. The HP Smart Install program (see picture above) should start automatically within 30 seconds.

Note: If HP Smart Install does not start automatically, AutoPlay might be disabled on your computer. Browse My Computer and double-click the HP Smart Install CD drive. Double-click the SISetup.exe file to run the program to install the product. If you cannot find the HP Smart Install CD drive, disconnect the USB cable and use the software CD to install the product.

2. Follow the onscreen instructions.
3. If prompted to select a connection type, select the **Configure to print using USB** option.

CN Windows USB 安装

注：某些病毒检测和防火墙软件可能会阻止您安装产品软件。

1. 用 USB 电缆连接计算机和产品。HP Smart Install 程序（参见上图）应在 30 秒内自动启动。

注：如果 HP Smart Install 程序未自动启动，则可能在计算机上禁用了自动播放。浏览“我的电脑”，然后双击 HP Smart Install CD 驱动器。双击 SISetup.exe 文件运行程序，以便安装产品。如果找不到 HP Smart Install CD 驱动器，请拔下 USB 电缆，然后使用软件 CD 安装产品。

2. 按照屏幕说明进行操作。
3. 如果提示选择连接类型，请选择 **Configure to print using USB**（使用 USB 配置打印）选项。

ID Instalasi USB Windows

Catatan: Ada beberapa perangkat lunak pemeriksa virus dan firewall yang dapat mencegah Anda menginstal perangkat lunak produk.

1. Hubungkan kabel USB antara komputer dan produk. Program HP Smart Install (lihat gambar di atas) semestinya aktif dalam 30 detik secara otomatis.

Catatan: Jika program HP Smart Install tidak aktif secara otomatis, AutoPlay mungkin dinonaktifkan di komputer. Jelajahi My Computer dan klik ganda drive CD HP Smart Install. Klik ganda file SISetup.exe untuk menjalankan program untuk menginstal produk. Jika Anda tidak menemukan drive CD HP Smart Install, lepaskan kabel USB dan gunakan CD perangkat lunak untuk menginstal produk.

2. Ikuti petunjuk di layar.
3. Jika diminta memilih jenis koneksi, pilih opsi **Configure to print using USB**.

KO Windows USB 설치

참고: 일부 바이러스 검사 및 방화벽 소프트웨어가 제품 소프트웨어 설치를 방지할 수 있습니다.

1. 컴퓨터와 제품 사이에 USB 케이블을 연결합니다. HP Smart Install 프로그램 (위의 그림 참조)을 30초 내에 자동으로 시작해야 합니다.

참고: HP Smart Install이 자동으로 시작하지 않으면 컴퓨터에서 자동 실행이 비활성화된 것일 수 있습니다. 내 컴퓨터를 검색하여 HP Smart Install CD 드라이브를 두 번 누릅니다. SISetup.exe 파일을 두 번 눌러 제품 설치 프로그램을 실행합니다. HP Smart Install CD 드라이브를 찾을 수 없는 경우 USB 케이블을 뽑고 소프트웨어 CD를 사용하여 제품을 설치합니다.

2. 화면에 표시되는 지시 사항에 따릅니다.
3. 연결 유형을 선택하는 메시지가 표시되면 **USB를 사용하여 인쇄하도록 구성** 옵션을 선택합니다.

TH การติดตั้งแบบ USB สำหรับ Windows

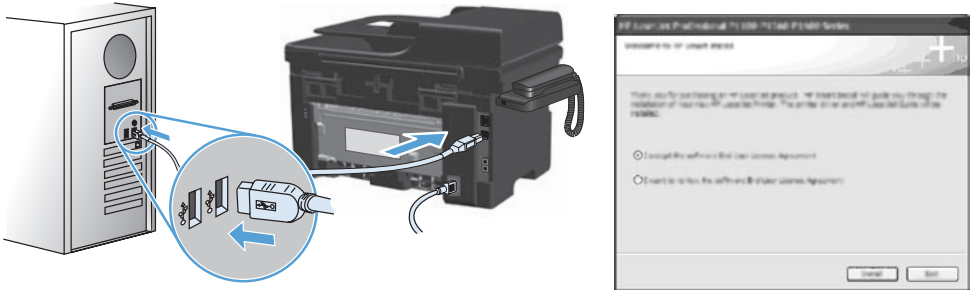
หมายเหตุ: ซอฟต์แวร์ตรวจจับไวรัสและไฟร์วอลล์อาจป้องกันไม่ให้คุณติดตั้งซอฟต์แวร์ของเครื่องพิมพ์

1. ต่อสายเคเบิล USB ระหว่างคอมพิวเตอร์และเครื่องพิมพ์ โปรแกรม HP Smart Install (ดูภาพทางด้านบน) ควรเริ่มต้นขึ้นโดยอัตโนมัติภายใน 30 วินาที

หมายเหตุ: หาก HP Smart Install ไม่ได้เริ่มต้นขึ้นโดยอัตโนมัติ อาจเป็นเพราะคุณลักษณะเล่นอัตโนมัติในคอมพิวเตอร์ของคุณอาจถูกปิดการใช้งาน เรียกดู My Computer และดับเบิลคลิกไดรฟ์ซีดี HP Smart Install ดับเบิลคลิกไฟล์ SISetup.exe เพื่อเรียกใช้โปรแกรมเพื่อติดตั้งเครื่องพิมพ์ หากคุณไม่พบไดรฟ์ซีดี HP Smart Install ให้ถอดสายเคเบิล USB และใช้ซีดีซอฟต์แวร์เพื่อติดตั้งเครื่องพิมพ์

2. ปฏิบัติตามคำแนะนำบนหน้าจอ
3. หากมีข้อความแจ้งให้เลือกประเภทการเชื่อมต่อ ให้เลือกตัวเลือก กำหนดค่าให้พิมพ์โดยใช้ USB

HP Smart Install



TW Windows USB 安裝

注意：某些病毒檢查和防火牆軟體可能使您無法安裝產品軟體。

1. 利用 USB 纜線連接電腦與本產品。HP Smart Install 程式(見上圖)應會在 30 秒內自動啟動。

注意：如果 HP Smart Install 未自動啟動，則可能是電腦已停用了自動播放。瀏覽「我的電腦」，然後連按兩下 HP Smart Install 光碟機。連按兩下 SSetup.exe 檔案以執行程式來安裝本產品。若您找不到 HP Smart Install 光碟機，請中斷 USB 纜線的連接，然後使用軟體光碟安裝本產品。

2. 依照螢幕上的指示進行。
3. 若出現提示要您選擇連線類型，請選擇**設定為使用 USB 列印**選項。

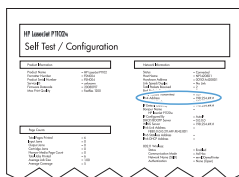
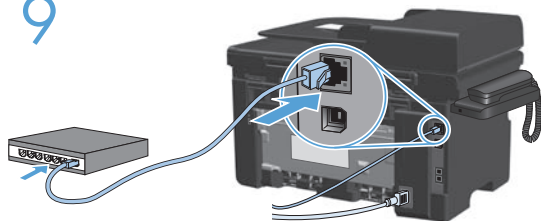
VI Cài đặt qua USB trên Windows

Lưu ý: Một vài phần mềm kiểm soát virus và tường lửa có thể không cho phép bạn cài đặt phần mềm thiết bị này.

1. Nối cáp USB giữa máy tính và sản phẩm. Chương trình HP Smart Install (xem hình bên trên) sẽ tự động khởi động trong vòng 30 giây.

Lưu ý: Nếu HP Smart Install không tự động khởi động, có thể chức năng AutoPlay trên máy tính bị vô hiệu hóa. Duyệt qua Máy tính của tôi và nhấp đúp vào ổ CD HP Smart Install. Nhấp đúp vào tập tin SSetup.exe để chạy chương trình cài đặt sản phẩm. Nếu bạn không thể tìm thấy ổ CD HP Smart Install, hãy tháo cáp USB và sử dụng đĩa CD phần mềm để cài đặt sản phẩm.

2. Hãy thực hiện theo các hướng dẫn trên màn hình.
3. Nếu được nhắc chọn loại kết nối, chọn **tuỳ chọn Configure to print using USB** (Cấu hình để in sử dụng USB).



EN

Windows network installation

Note: Some virus-checking and firewall software might prevent you from installing the product software.

1. Connect the network cable to the product, and wait for about one minute for the network to assign an IP address.
2. Press the Setup  button. Use the arrow buttons to select **Reports**, and then press **OK**. Select **Config report**, and then press **OK**. Locate the product IP address on the page that prints.
3. At your computer, open a Web browser, and type the IP address in the address line of the browser.
4. Click the **HP Smart Install** tab, and click the Download button. Follow the onscreen instructions.

CN

Windows 网络安装

注： 某些病毒检测和防火墙软件可能会阻止您安装产品软件。

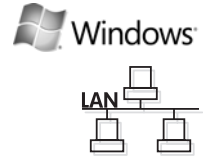
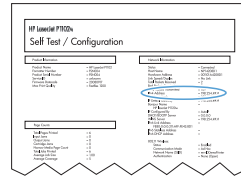
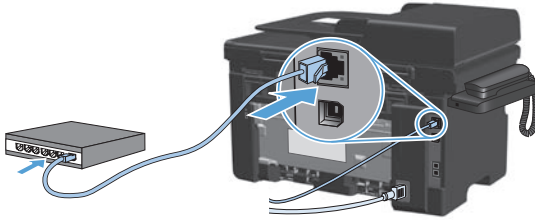
1. 将网线连接至产品，然后等待约一分钟以便网络分配 IP 地址。
2. 按下设置  按钮。使用箭头按钮选择 **报告**，然后按下 **OK**。选择 **配置报告**，然后按下 **OK**。在打印的页面上找到产品 IP 地址。
3. 在计算机上打开 Web 浏览器，然后在浏览器的地址行中键入 IP 地址。
4. 单击 **HP Smart Install** 选项卡，然后单击 Download 按钮。按照屏幕说明进行操作。

ID

Instalasi jaringan Windows

Catatan: Ada beberapa perangkat lunak pemeriksa virus dan firewall yang dapat mencegah Anda menginstal perangkat lunak produk.

1. Hubungkan kabel jaringan ke produk, dan tunggu sekitar semenit sampai jaringan menentukan alamat IP.
2. Tekan tombol Setup  . Gunakan tombol panah untuk memilih **Reports**, kemudian tekan **OK**. Pilih **Config report**, lalu tekan **OK**. Cari alamat IP produk di halaman yang dicetak.
3. Di komputer, buka browser Web, dan ketikkan alamat IP di baris alamat browser.
4. Klik tab **HP Smart Install**, lalu klik tombol Download. Ikuti petunjuk di layar.



KO Windows 네트워크 설치

참고: 일부 바이러스 검사 및 방화벽 소프트웨어가 제품 소프트웨어 설치를 방지할 수 있습니다.

1. 네트워크 케이블을 제품에 연결하고 네트워크에 IP 주소가 할당되도록 1분 정도 기다립니다.
2. 설정 버튼을 누릅니다. 화살표 버튼을 사용하여 **보고서**를 선택한 다음 **OK**를 누릅니다. **구성 보고서**를 선택한 다음 **OK**를 누릅니다. 인쇄한 페이지에서 제품 IP 주소를 찾습니다.
3. 컴퓨터에서 웹 브라우저를 열고 브라우저의 주소줄에 IP 주소를 입력합니다.
4. **HP Smart Install** 탭을 클릭하고 다운로드 버튼을 클릭합니다. 화면에 표시되는 지시 사항에 따릅니다.

TH การติดตั้งแบบเครือข่ายสำหรับ Windows

หมายเหตุ: ซอฟต์แวร์ตรวจจับไวรัสและไฟร์วอลล์อาจป้องกันไม่ให้คุณติดตั้งซอฟต์แวร์ของเครื่องพิมพ์

1. ต่อสายเคเบิลเครือข่ายกับเครื่องพิมพ์ และรอประมาณหนึ่งนาทีเพื่อให้เครือข่ายกำหนด IP แอดเดรส
2. กดปุ่มตั้งค่า ใช้ปุ่มลูกศรเพื่อเลือก **รายงาน** แล้วกด **OK** เลือก **รายงานคอนฟิกูเรชัน** แล้วกด **OK** ค้นหา IP แอดเดรสของเครื่องพิมพ์บนหน้าที่พิมพ์
3. เปิดเว็บเบราว์เซอร์ที่คอมพิวเตอร์ของคุณ และพิมพ์ IP แอดเดรสในช่องแอดเดรสของเบราว์เซอร์
4. คลิกแถบ **HP Smart Install** และคลิกปุ่ม **ดาวน์โหลด** ปฏิบัติตามคำแนะนำบนหน้าจอ

TW Windows 網路安裝

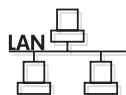
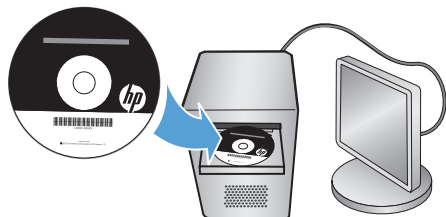
注意：某些病毒檢查和防火牆軟體可能使您無法安裝產品軟體。

1. 利用網路線連接本產品，然後稍候一分鐘，待網路指派 IP 位址。
2. 按下「設定」 按鈕。使用箭頭按鈕選擇**報告**，然後按下 **OK**。選擇**設定報告**，然後按下 **OK**。在頁面上尋找要列印的產品之 IP 位址。
3. 在您的電腦上，開啓網頁瀏覽器，然後在瀏覽器的網址列上輸入 IP 位址。
4. 按下 **HP Smart Install** 標籤，然後按下載按鈕。依照螢幕上的指示進行。

Cài đặt qua mạng Windows

Lưu ý: Một vài phần mềm kiểm soát virus và tường lửa có thể không cho phép bạn cài đặt phần mềm thiết bị này.

1. Cắm cáp mạng vào sản phẩm, và đợi khoảng một phút để mạng gán địa chỉ IP.
2. Bấm nút Cài đặt . Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Reports** (Báo cáo), sau đó bấm **OK**. Chọn **Config report** (Báo cáo cấu hình), sau đó bấm **OK**. Tìm địa chỉ IP của sản phẩm trên trang in.
3. Trên máy tính của bạn, mở trình duyệt Web, và nhập địa chỉ IP vào dòng địa chỉ của trình duyệt.
4. Nhấp tab **HP Smart Install**, và nhấp vào nút Download (Tải xuống). Hãy thực hiện theo các hướng dẫn trên màn hình.



EN Mac installation

Note: Some virus-checking and firewall software might prevent you from installing the product software.

1. Insert the software installation CD into the computer CD drive.

Note: Connect the USB cable and turn the product on before installation.

2. In the pop-up dialog box, click the installer program.
3. Follow the onscreen instructions to install the printer driver.

CN Mac 安装

注：某些病毒检测和防火墙软件可能会阻止您安装产品软件。

1. 将软件安装 CD 插入计算机的 CD 驱动器中。

注：安装前，请先连接 USB 电缆并打开产品电源。

2. 在弹出对话框中，单击安装程序。
3. 按照屏幕上的说明安装打印机驱动程序。

ID Instalasi Mac

Catatan: Ada beberapa perangkat lunak pemeriksa virus dan firewall yang dapat mencegah Anda menginstal perangkat lunak produk.

1. Masukkan CD instalasi perangkat lunak ke dalam drive CD komputer.

Catatan: Hubungkan kabel USB dan nyalakan produk sebelum instalasi.

2. Di kotak dialog pop-up, klik program penginstal.
3. Ikuti petunjuk penginstalan di layar untuk menginstal driver printer.

KO Mac 설치

참고: 일부 바이러스 검사 및 방화벽 소프트웨어가 제품 소프트웨어 설치를 방지할 수 있습니다.

1. 컴퓨터 CD 드라이브에 소프트웨어 설치 CD를 넣습니다.

참고: 설치하기 전에 USB 케이블을 연결하여 제품의 전원을 켜십시오.

2. 팝업 대화 상자에서 설치 프로그램을 클릭합니다.
3. 화면의 지시에 따라 프린터 드라이버를 설치합니다.

TW Mac 安裝

注意：某些病毒檢查和防火牆軟體可能使您無法安裝產品軟體。

1. 將軟體安裝光碟插入電腦光碟機中。

注意：安裝之前請先接上 USB 纜線並開啓本產品電源。

2. 在快顯對話方塊上，按一下安裝程式。
3. 請依照螢幕上的指示安裝印表機驅動程式。

VI Cài đặt trên Mac

Lưu ý: Một vài phần mềm kiểm soát virus và tường lửa có thể không cho phép bạn cài đặt phần mềm thiết bị này.

1. Đưa đĩa CD cài đặt phần mềm vào ổ CD máy tính.

Lưu ý: Nối cáp USB và bật sản phẩm trước khi cài đặt.

2. Trong hộp thoại bật lên, nhấp vào chương trình cài đặt.
3. Thực hiện theo các hướng dẫn trên màn hình để cài đặt trình điều khiển máy in.

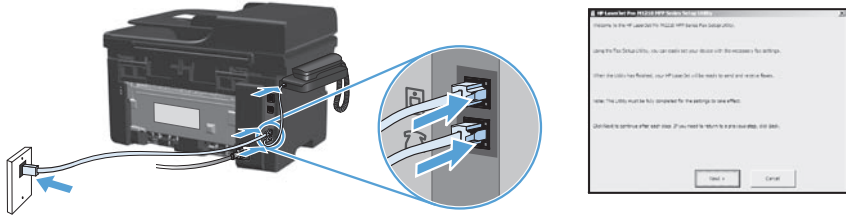
TH การติดตั้งสำหรับ Mac

หมายเหตุ: ซอฟต์แวร์ตรวจจับไวรัสและไฟร์วอลล์อาจป้องกันไม่ให้คุณติดตั้งซอฟต์แวร์ของเครื่องพิมพ์

1. ใส่ซีดีการติดตั้งซอฟต์แวร์ในไดรฟ์ซีดีของคอมพิวเตอร์

หมายเหตุ: ต่อสายเคเบิล USB และเปิดเครื่องพิมพ์ก่อนติดตั้ง

2. ในกล่องข้อความป๊อปอัพ ให้คลิกโปรแกรมติดตั้ง
3. ทำตามคำแนะนำบนหน้าจอเพื่อติดตั้งไดรเวอร์เครื่องพิมพ์



EN Connect the phone cords for the fax and the handset. A country/region specific adapter for the RJ-11 telephone cord may be required to connect to the telephone jack. Use the HP Fax Setup Wizard to configure the date, time, and fax header information.

CN 连接传真和听筒的电话线。特定国家/地区可能需要用于 RJ-11 电话线的适配器，才能连接至电话插孔。使用 HP Fax Setup Wizard 配置日期、时间及传真标题信息。

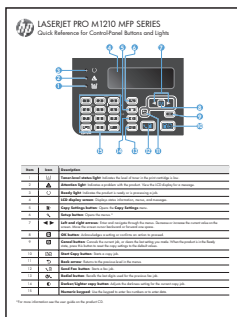
ID Hubungkan kabel telepon untuk faks dan handset. Adaptor negara/kawasan tertentu untuk kabel telepon RJ-11 mungkin dibutuhkan untuk menghubungkan ke colokan telepon. Gunakan HP Fax Setup Wizard untuk mengonfigurasi informasi tanggal, waktu, dan kop faks.

KO 팩스와 핸드셋의 전화 코드를 연결합니다. 전화기 잭에 연결하려면 RJ-11 전화 코드의 국가별 또는 지역별 어댑터가 필요할 수 있습니다. HP 팩스 설정 마법사를 사용하여 날짜, 시간 및 팩스 머리글 정보를 구성합니다.

TH เชื่อมต่อสายโทรศัพท์สำหรับแฟกซ์และหูโทรศัพท์ อาจต้องใช้อะแดปเตอร์สายโทรศัพท์ RJ-11 เฉพาะของประเทศ/พื้นที่เพื่อต่อกับแจ๊คโทรศัพท์ ใช้ HP Fax Setup Wizard เพื่อกำหนดวันที่ เวลา และข้อมูลหัวแฟกซ์

TW 連接傳真和電話聽筒的電話線。可能需要有特定國家/地區適用的 RJ-11 電話線配接器，以連接至電話插孔。利用 HP 傳真設定精靈設定日期、時間與傳真標題資訊。

VI Nối dây điện thoại để dùng fax và thiết bị cầm tay. Cần phải có một bộ điều hợp tùy chỉnh theo nước hoặc theo vùng dành cho dây điện thoại RJ-11 để kết nối với đầu cắm điện thoại. Sử dụng HP Fax Setup Wizard để định cấu hình ngày, giờ và thông tin tiêu đề fax.



EN When software installation is complete, the product prints a page that explains how to use the control panel. For more information, see the user guide on the product CD.

CN 软件安装完成后，产品将打印一个页面，解释如何使用控制面板。有关更多信息，请参阅产品 CD 上的用户指南。

ID Saat instalasi perangkat lunak selesai, produk akan mencetak halaman yang menjelaskan cara menggunakan panel kontrol. Untuk informasi lebih lanjut, lihat panduan pengguna pada CD produk.

KO 소프트웨어 설치가 완료되면 제품에서 제어판 사용 방법을 설명하는 페이지를 인쇄합니다. 자세한 내용은 제품 CD의 사용 설명서를 참조하십시오.

TH เมื่อการติดตั้งซอฟต์แวร์เสร็จสมบูรณ์ เครื่องพิมพ์จะพิมพ์หน้าอธิบายวิธีใช้แผงควบคุม สำหรับข้อมูลเพิ่มเติม โปรดดูคู่มือผู้ใช้ในแผ่นซีดีของเครื่องพิมพ์

TW 軟體安裝完成後，本產品即會列印一張頁面，說明如何使用控制面板。如需詳細資訊，請參閱產品 CD 中的使用指南。

VI Khi cài đặt phần mềm hoàn tất, sản phẩm sẽ in trang giải thích cách sử dụng bảng điều khiển. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem hướng dẫn sử dụng trên đĩa CD sản phẩm.



- EN Test the document feeder.** Load the control-panel description page in the document feeder, and then press the Start Copy  button. If the product is in energy-saving mode, press any button to activate it.
- CN 测试文档进纸器。**将控制面板说明页装入文档进纸器，然后按下“开始复印”  按钮。如果产品处于节能模式，请按下任何按钮激活它。
- ID Uji pengumpan dokumen.** Muat halaman uraian panel kontrol di pengumpan dokumen, lalu tekan tombol Start Copy . Jika produk sedang berada dalam mode hemat energi, tekan tombol apa saja untuk mengaktifkannya.
- KO 문서 공급기를 테스트합니다.** 제어판 설명 페이지를 문서 공급기에 넣은 다음 복사 시작  버튼을 누릅니다. 제품이 에너지 절전 모드인 경우 아무 버튼이나 눌러 활성화합니다.
- TH ทดสอบอุปกรณ์ป้อนกระดาษ** ใส่หน้าคำอธิบายแผงควบคุมในอุปกรณ์ป้อนกระดาษ แล้วกดปุ่ม เริ่มทำสำเนา 
หากเครื่องอยู่ในโหมดประหยัดพลังงาน ให้กดปุ่มใดๆ เพื่อเปิดใช้งาน
- TW 測試文件進紙器。**在文件進紙器中放入控制面板說明頁，然後按下開始影印  按鈕。若產品在節能模式中，請按下任何可啟動產品的按鈕。
- VI Kiểm tra khay nạp tài liệu.** Nạp trang mô tả bảng điều khiển vào khay nạp tài liệu, sau đó bấm nút Start Copy  (Bắt đầu Sao chép). Nếu thiết bị đang ở chế độ tiết kiệm năng lượng, hãy bấm bất kỳ nút nào để kích hoạt.



EN Test copy. Load the control-panel description page on the scanner glass, and then press the Start Copy  button.

CN 测试复印。将控制面板说明页放在扫描仪玻璃板上，然后按下“开始复印”  按钮。

ID Uji fotokopi. Muat halaman uraian panel kontrol di kaca scanner, lalu tekan tombol Start Copy .

KO 복사를 테스트합니다. 제어판 설명 페이지를 스캐너 유리에 놓은 다음 복사 시작  버튼을 누릅니다.

TH ทดสอบการทำสำเนา วางหน้าคำอธิบายแผงควบคุมบนกระจกของเครื่องสแกน แล้วกดปุ่ม เริ่มทำสำเนา .

TW 測試影印。將控制面板說明頁放在掃描器玻璃板上，然後按下開始影印  按鈕。

VI Sao chép thử. Nạp trang mô tả bảng điều khiển trên kính máy quét, sau đó bấm nút Start Copy  (Bắt đầu Sao chép).



EN **Test scan.** Load the control-panel description page on the scanner glass. **Windows:** In the HP program group, select **Scan to**, and select a scanning destination. **Mac:** Open the HP Director, click **Scan**, and click **Scan** again. Click **Finish**, and then click **Destinations**. Name the file and specify the destination location. Click **Save**.

CN **测试扫描。** 将控制面板说明页放在扫描仪玻璃板上。**Windows:** 在 HP 程序组中，选择**扫描到**，然后选择扫描目标。**Mac:** 打开 HP Director，单击**扫描**，然后再次单击**扫描**。单击**完成**，然后单击**目标**。为文件命名，指定目标位置。单击**保存**。

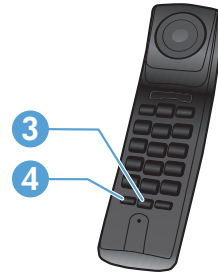
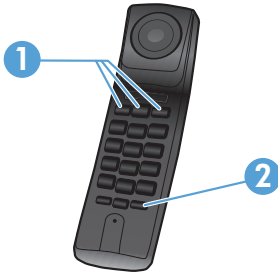
ID **Uji pindai.** Muat halaman deskripsi panel kontrol pada kaca pemindai. **Windows:** Pada grup program HP, pilih **Scan to** [Pindai ke], dan pilih tujuan pemindaian. **Mac:** Buka HP Director, klik **Scan** [Pindai], dan klik **Scan** [Pindai] lagi. Klik **Finish** [Selesai], kemudian klik **Destinations** [Tujuan]. Beri nama file dan tentukan lokasi tujuan. Klik **Save** [Simpan].

KO **스캔을 테스트합니다.** 제어판 설명 페이지를 스캐너 유리에 놓습니다. **Windows:** HP 프로그램 그룹에서 **스캔 보내기**를 선택하고 스캔할 대상을 선택합니다. **Mac:** HP Director를 열고 **스캔**을 누르고 **스캔**을 다시 누릅니다. **완료**, **대상**을 차례대로 누릅니다. 파일 이름을 정하고 대상 위치를 지정합니다. **저장**을 누릅니다.

TH ทดสอบการสแกน วางหน้าคำอธิบายแผงควบคุมบนกระจกของเครื่องสแกน **Windows:** ในกลุ่มโปรแกรมของ HP ให้เลือก **สแกนไปที่** และเลือกปลายทางการสแกน **Mac:** เปิด HP Director คลิก **Scan** และคลิก **Scan** อีกครั้ง คลิก **Finish** และคลิก **Destinations** ตั้งชื่อไฟล์และระบุตำแหน่งปลายทาง คลิก **Save**

TW **測試掃描。** 將控制面板描述頁放在掃描器玻璃板上。**Windows:** 在 HP 程式群組中，選取**掃描至**，然後選取掃描目的地。**Mac:** 開啟 HP Director，按一下**掃描**，然後再按一下**掃描**。按一下**完成**，然後按一下**目的地**。將檔案命名並指定目的地位置。按一下**儲存**。

VI **Quét thử.** Nạp trang mô tả bằng điều khiển trên kính máy quét. **Windows:** Trong nhóm chương trình của HP, chọn **Scan to** (Quét tới), rồi chọn vị trí định quét tới. **Mac:** Mở HP Director, nhấn **Scan** (Quét), rồi nhấn **Scan** (Quét) lại lần nữa. Nhấn **Finish** (Xong), và sau đó nhấn **Destinations** (Nơi nhận). Đặt tên tập tin và xác định vị trí nơi nhận. Nhấn **Save** (Lưu).



EN Identify and use the phone buttons.

- 1) **M1, M2, and M3** memory buttons;
- 2) **Store** button.

Program numbers to the **M** buttons by pressing **Store**, dialing a phone number, pressing **Store** again, and then pressing one of the **M** buttons.

- 3) **Redial/Pause** button; 4) **Flash** button.

Use the **Redial/Pause** button to redial the last number dialed on the handset. If the line is busy, press **Flash**, and then **Redial/Pause** to redial the number.

CN 识别和使用电话按键。

- 1) **M1、M2 和 M3** 内存键；
- 2) **存储** 键。

通过以下方法对 **M** 键编号：
按下**存储**，拨打电话号码，然后再次按下**存储**，并按下其中一个**M** 键。

- 3) **重拨/暂停键**；
- 4) **Flash** 键。

使用**重拨/暂停**键重拨通过听筒拨打的最后一个号码。如果线路忙，请按下**Flash** 键，然后按下**重拨/暂停**键重新拨打号码。

ID Mengenali dan menggunakan tombol telepon.

- 1) Tombol memori **M1, M2, dan M3**;
- 2) Tombol **Simpan**.

Programkan nomor ke tombol **M** dengan cara menekan **Simpan**, memutar suatu nomor telepon, menekan **Simpan** lagi, lalu menekan salah satu tombol **M**.

- 3) Tombol **Putar ulang/Jeda**,
- 4) Tombol **Flash**.

Gunakan tombol **Putar ulang/Jeda** untuk memutar ulang nomor terakhir yang diputar di gagang telepon. Jika saluran sibuk, tekan **Flash**, lalu **Putar ulang/Jeda** untuk memutar ulang nomor.

KO 전화기 버튼을 식별하고 사용합니다.

- 1) **M1, M2, M3** 메모리 버튼,
- 2) **저장** 버튼.

저장 버튼을 사용하여 **M** 버튼에 번호를 지정할 수 있습니다. 지정할 전화 번호를 누르고 **저장**을 다시 누른 후 **M** 버튼 중 하나를 누릅니다.

- 3) **재다이얼/일시중지** 버튼,
- 4) **플래시** 버튼.

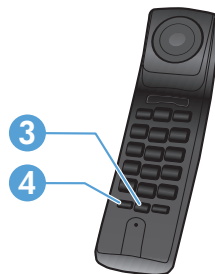
핸드셋에서 마지막에 사용한 번호를 다시 다이얼하려면 **재다이얼/일시중지** 버튼을 누릅니다. 통화중인 경우 **플래시**를 누른 후 **재다이얼/일시중지**를 눌러 재다이얼합니다.



TH ระบุและใช้ปุ่มโทรศัพท์

- 1) ปุ่มหน่วยความจำ **M1**, **M2** และ **M3**
- 2) ปุ่ม จัดเก็บ

ตั้งโปรแกรมหมายเลขให้กับปุ่ม **M** โดยกด จัดเก็บ หมายเลขโทรศัพท์ กด จัดเก็บ อีกครั้ง แล้วกดปุ่ม **M** ปุ่มใดปุ่มหนึ่ง



- 3) ปุ่ม โทรซ้ำ/หยุดชั่วคราว
- 4) ปุ่ม แฟลช

ใช้ปุ่ม โทรซ้ำ/หยุดชั่วคราว เพื่อโทรซ้ำหมายเลขล่าสุดที่โทรด้วยหูโทรศัพท์ หากสายไม่ว่าง ให้กด แฟลช แล้ว โทรซ้ำ/หยุดชั่วคราว เพื่อโทรซ้ำหมายเลขนั้น

TW 識別並使用電話按鈕。

- 1) **M1**、**M2** 和 **M3** 記憶按鈕；
- 2) 儲存按鈕。

按下儲存，撥電話號碼，再按下儲存，然後按下其中一個 **M** 按鈕，即可儲存 **M** 按鈕的程式編號。

- 3) 重撥/暫停按鈕；
- 4) **Flash** 按鈕。

使用重撥/暫停按鈕來重撥電話上最後撥打的號碼。如果線路忙線中，按下 **Flash**，再按重撥/暫停以重撥號碼。

VI Xác định và sử dụng các nút điện thoại.

- 1) các nút bộ nhớ **M1**, **M2**, và **M3**;
- 2) nút **Store** (Lưu trữ).

Lập trình các số cho các nút **M** bằng cách bấm **Store** (Lưu trữ), quay một số điện thoại, bấm **Store** (Lưu trữ) lần nữa, sau đó bấm một trong các nút **M**.

- 3) Nút **Redial/Pause** (Quay số lại/Tạm dừng);
- 4) nút **Flash**.

Sử dụng nút **Redial/Pause** (Quay số lại/Tạm dừng) để quay lại số mới gọi đi trên điện thoại. Nếu đường dây đang bận, bấm **Flash**, sau đó bấm **Redial/Pause** (Quay số lại/Tạm dừng) để quay lại số.



EN Receive a fax when the phone rings.

1. Answer the phone.
2. If you hear fax tones, wait for the product to pick up the fax.
3. After the phone becomes silent, hang up the handset.

CN 在电话铃响时接收传真。

1. 接听电话。
2. 如果听到传真音，则等待产品拾取传真。
3. 电话静音后，挂起听筒。

ID Menerima faks saat telepon berdering.

1. Angkat telepon.
2. Jika terdengar nada faks, tunggu sampai produk menjawab faks.
3. Setelah telepon diam, taruh gagang telepon.

KO 전화기가 울릴 때 팩스를 수신합니다.

1. 전화를 받습니다.
2. 팩스 통신음이 들리면 제품에 팩스가 수신될 때까지 기다립니다.
3. 전화기에서 아무 소리도 나지 않으면 핸드셋을 끊습니다.

TH รับแฟกซ์เมื่อโทรศัพท์ดัง

1. รับสายโทรศัพท์
2. หากคุณได้ยินสัญญาณแฟกซ์ ให้รอให้เครื่องรับแฟกซ์
3. หลังจากโทรศัพท์ไม่มีเสียงแล้ว ให้วางหูโทรศัพท์

TW 在電話鈴響時接收傳真。

1. 接聽電話。
2. 如果聽到傳真訊號，請稍候待產品接聽傳真。
3. 在電話沒有聲響後，掛斷電話。

VI Nhận fax khi điện thoại đổ chuông.

1. Trả lời điện thoại.
2. Nếu bạn nghe thấy tiếng chuông báo fax, hãy chờ cho điện thoại nhận fax.
3. Sau khi điện thoại ngừng đổ chuông, gác máy điện thoại.



EN Send a fax using the handset (Manual Dial).

1. Load the document.
2. Call the recipient on the handset.
3. When the recipient is ready, press **Start Fax** on the control panel.

CN 使用听筒发送传真（手动拨号）。

1. 装入文档。
2. 通过听筒拨打收件人的电话。
3. 收件人准备就绪后，按下控制面板上的**开始传真**。

ID Mengirim faks dengan gagang telepon (Putar Manual).

1. Muatkan dokumen.
2. Panggil pihak penerima di gagang telepon.
3. Setelah penerima siap, tekan **Mulai Faks** di panel kontrol.

KO 핸드셋을 사용하여 팩스를 발송합니다(수동 다이얼).

1. 문서를 넣습니다.
2. 핸드셋으로 수신인에게 전화합니다.
3. 수신인쪽에서 준비가 되면 제어판에서 **팩스 시작**을 누릅니다.

TH ส่งแฟกซ์โดยใช้หูโทรศัพท์ (หมุนหมายเลขด้วยตนเอง)

1. ใส่เอกสาร
2. โทรศัพท์รับด้วยหูโทรศัพท์
3. เมื่อผู้รับพร้อมแล้ว ให้กด เริ่มการส่งแฟกซ์ บนแผงควบคุม

TW 使用電話傳送傳真（手動撥號）。

1. 裝入文件。
2. 在電話上撥號給收件者。
3. 當收件者準備就緒時，按下控制面板上的**啟動傳真**。

VI Gửi fax bằng điện thoại cầm tay (Quay số Thủ công).

1. Tải tài liệu.
2. Gọi cho người nhận trên điện thoại cầm tay.
3. Khi người nhận đã sẵn sàng, bấm nút **Start Fax** (Bắt đầu Fax) trên bảng điều khiển.

EN Setup is complete. If you did not register your product during software installation go to www.register.hp.com to register now.

CN 安装完成。如果在软件安装期间未注册产品，请立即访问 www.register.hp.com 进行注册。

ID Penataan selesai. Jika Anda tidak mendaftarkan produk Anda pada saat instalasi perangkat lunak, kunjungi www.register.hp.com untuk mendaftar sekarang.

KO 설치가 완료됩니다. 소프트웨어 설치 도중 제품을 등록하지 않은 경우 www.register.hp.com 으로 이동하여 이제 등록하십시오.

TH การติดตั้งเสร็จสมบูรณ์แล้ว หากคุณยังไม่ได้ลงทะเบียนผลิตภัณฑ์ระหว่างการติดตั้งซอฟต์แวร์ ให้ไปที่ www.register.hp.com เพื่อลงทะเบียนได้ทันที

TW 此時安裝即完成。若您未在軟體安裝期間註冊您的產品，請立即至 www.register.hp.com 註冊。

VI Cài đặt đã hoàn tất. Nếu bạn chưa đăng ký thiết bị trong khi cài đặt phần mềm, hãy vào trang www.register.hp.com để đăng ký ngay bây giờ.

EN The HP LaserJet Guide and other documentation are on the CD that came with the product or in the HP Program folder on your computer. The HP LaserJet Guide is a product help tool that provides easy access to product information, HP product web support, troubleshooting guidance, and regulatory and safety information.

CN 产品随附的 CD 上有《HP LaserJet Guide》和其他文档，您也可以从计算机上的 HP Program 文件夹中找到它们。《HP LaserJet Guide》是一个产品帮助工具，通过它可轻松访问产品信息、HP 产品 Web 支持、故障排除准则以及管制和安全信息。

ID Panduan HP LaserJet dan dokumentasi lain ada dalam CD yang disertakan dengan produk atau di dalam folder Program HP pada komputer. Panduan HP LaserJet adalah alat bantu produk yang memberi akses mudah ke informasi produk, dukungan web untuk produk HP, panduan menyelesaikan masalah, serta informasi peraturan dan keamanan.

KO HP LaserJet 사용 설명서와 기타 설명서는 제품과 함께 제공된 CD에 있거나 사용자 컴퓨터의 HP 프로그램 폴더에 있습니다. HP LaserJet 사용 설명서는 제품 정보, HP 제품 웹 지원, 문제 해결 지원과 규정 및 안전 정보에 쉽게 액세스할 수 있는 제품 지원 도구입니다.

- TH** HP LaserJet Guide และเอกสารอื่นๆ จะอยู่ในแผ่นซีดีที่มาพร้อมกับเครื่องพิมพ์ หรือในโฟลเดอร์ HP Program ในคอมพิวเตอร์ของคุณ HP LaserJet Guide เป็นเครื่องมือวิธีใช้ของเครื่องพิมพ์ที่ช่วยให้เข้าใช้ข้อมูลเครื่องพิมพ์, การสนับสนุนทางเว็บของเครื่องพิมพ์ HP, คำแนะนำการแก้ไขปัญหา และข้อมูลข้อกำหนดและความปลอดภัย
- TW** 您可以在產品隨附的 CD 中，或在您電腦中的 HP 程式資料夾內找到這份《HP LaserJet 指南》及其他說明文件。《HP LaserJet 指南》為產品說明工具，可讓使用者輕鬆獲得產品資訊、HP 產品網路支援、疑難排解指引，以及法規與安全資訊。
- VI** Tài liệu hướng dẫn HP LaserJet và các tài liệu khác nằm trên CD đi kèm với sản phẩm hoặc nằm trong thư mục HP Program trên máy tính của bạn. Tài liệu hướng dẫn HP LaserJet là công cụ trợ giúp sản phẩm cho phép truy cập dễ dàng vào thông tin sản phẩm, hỗ trợ trang web sản phẩm HP, hướng dẫn khắc phục sự cố, và các thông tin về quy định và an toàn.



Copyright and License

© 2010 Copyright Hewlett-Packard Development Company, L.P.

Reproduction, adaptation or translation without prior written permission is prohibited, except as allowed under the copyright laws.

The information contained herein is subject to change without notice.

The only warranties for HP products and services are set forth in the express warranty statements accompanying such products and services. Nothing herein should be construed as constituting an additional warranty. HP shall not be liable for technical or editorial errors or omissions contained herein.

Part number: CE843-90901

Edition 1, 8/2010

FCC Regulations

This equipment has been tested and found to comply with the limits for a Class B digital device, pursuant to Part 15 of the FCC rules. These limits are designed to provide reasonable protection against harmful interference in a residential installation. This equipment generates, uses, and can radiate radio-frequency energy. If this equipment is not installed and used in accordance with the instructions, it may cause harmful interference to radio communications. However, there is no guarantee that interference will not occur in a particular installation. If this equipment does cause harmful interference to radio or television reception, which can be determined by turning the equipment off and on, correct the interference by one or more of the following measures:

- Reorient or relocate the receiving antenna.
- Increase separation between equipment and receiver.
- Connect equipment to an outlet on a circuit different from that to which the receiver is located.
- Consult your dealer or an experienced radio/TV technician.

Any changes or modifications to the product that are not expressly approved by HP could void the user's authority to operate this equipment. Use of a shielded interface cable is required to comply with the Class B limits of Part 15 of FCC rules. For more regulatory information, see the electronic user guide. Hewlett-Packard shall not be liable for any direct, indirect, incidental, consequential, or other damage alleged in connection with the furnishing or use of this information.

Trademark Credits

Windows® is a U.S. registered trademark of Microsoft Corporation.

版权与许可

© 2010 Copyright Hewlett-Packard Development Company, L.P.

除非版权法/著作权法许可，否则，在事先未经书面许可的情况下，严禁复制、改编或翻译本书。

此处包含的信息如有更改，恕不另行通知。

HP 产品和服务的保修仅以随该产品和服务提供的书面保修声明为准。此处内容不代表任何额外保修。HP 公司对此处任何技术性 or 编辑性的错误或遗漏概不负责。

部件号：CE843-90901

Edition 1, 8/2010

FCC 规则

本设备已经过测试，确认符合 FCC 规则第 15 部分有关 B 类数字设备的限制规定。这些限制旨在合理地避免居住环境中的有害干扰。本设备可以产生、利用并发射无线射频能量。如果不按说明中的要求安装和使用本设备，有可能对无线电通信产生有害干扰。但也不能保证在特定的安装中不会产生干扰问题。如果本设备确实对无线电或电视接收造成干扰（可以通过开关设备来确定），可通过以下一种或多种措施排除干扰：

- 重新调整接收天线的方向或位置。
- 增加设备和接收器之间的距离。
- 将本设备电源插座与接收器电源的插座设在不同的电路上。
- 咨询代理商或经验丰富的无线电/电视技术人员。

未经 HP 书面批准而对产品进行任何更改或修改都将导致用户不能操作此设备。使用屏蔽的接口电缆时必须遵循 FCC 规则第 15 部分中的 B 类限制。有关更多管制信息，请参阅电子版《用户指南》。对于由本信息的提供或使用所引起的任何直接、间接、偶然、继发性或其它损失，Hewlett-Packard 概不负责。

商标说明

Windows® 是 Microsoft Corporation 在美国的注册商标。



CE843-90901

